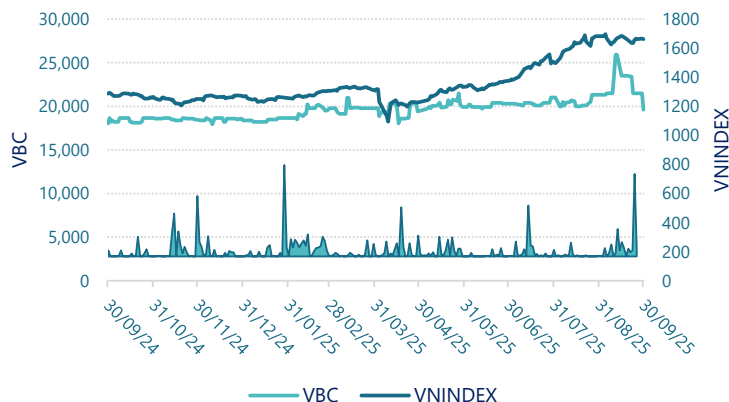




CTCP Nhựa - Bao bì Vinh (HNX: VBC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	19,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,933
SL cổ phiếu LH	7,499,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	390
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	147
P/E	5.2
EPS	3,735

DT thuần

Q3/25

200

tỷ VNĐ

QoQ: ▼32.0| -13.9%

YoY: ▼7.00| -3.5%

LN sau thuế

Q3/25

6.51

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.14| -14.9%

YoY: ▼0.82| -11.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.5%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

9T 2025

618

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.0| 4.8%

LN sau thuế

9T 2025

21.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.10| 0.5%

ROE

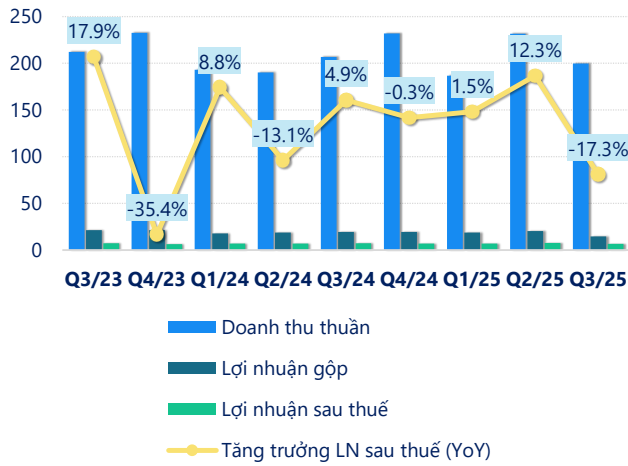
Q3/25

17.0%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

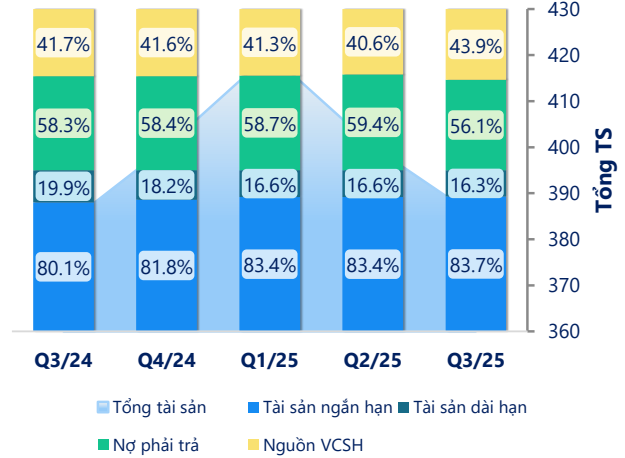
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

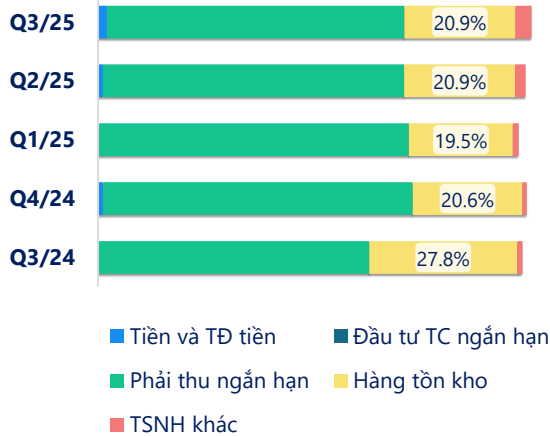
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



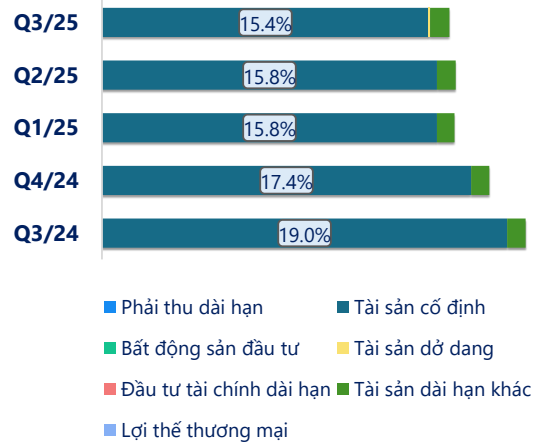
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

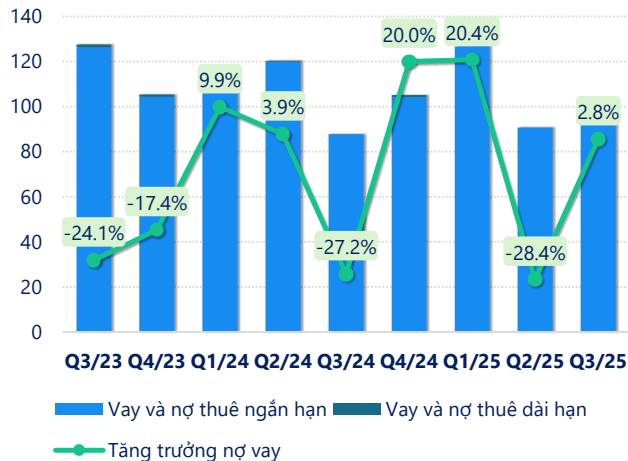
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

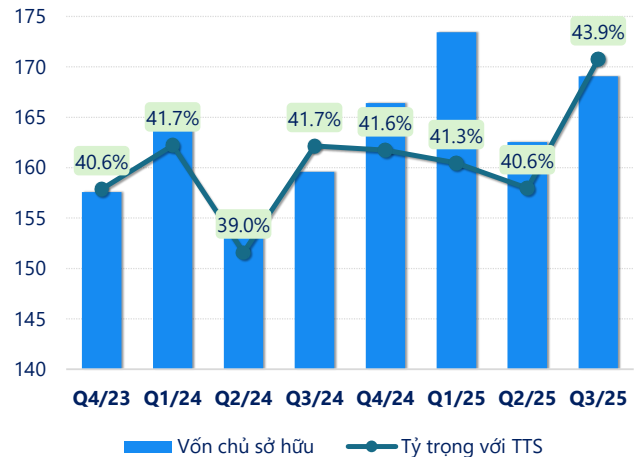
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

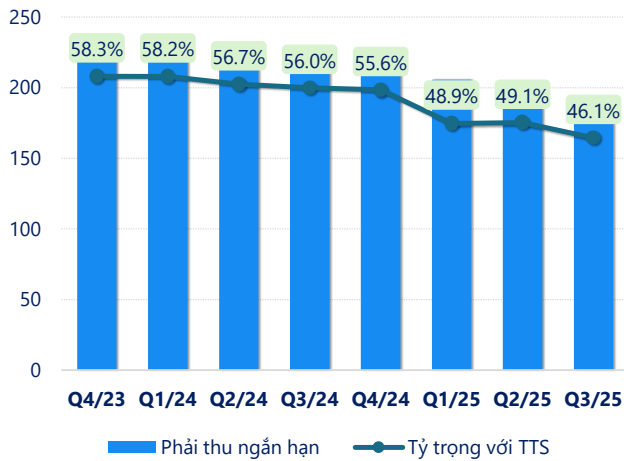
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



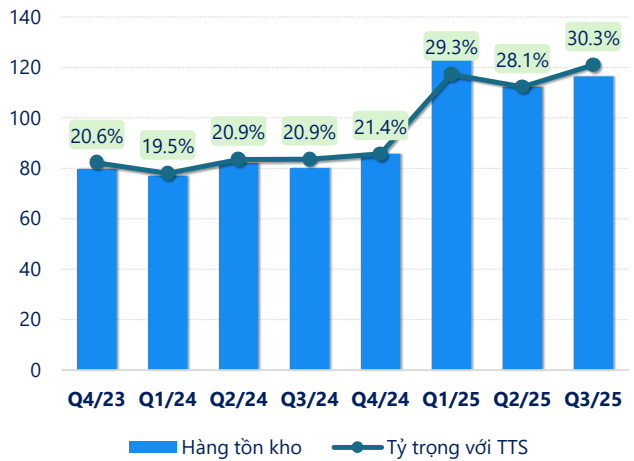
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


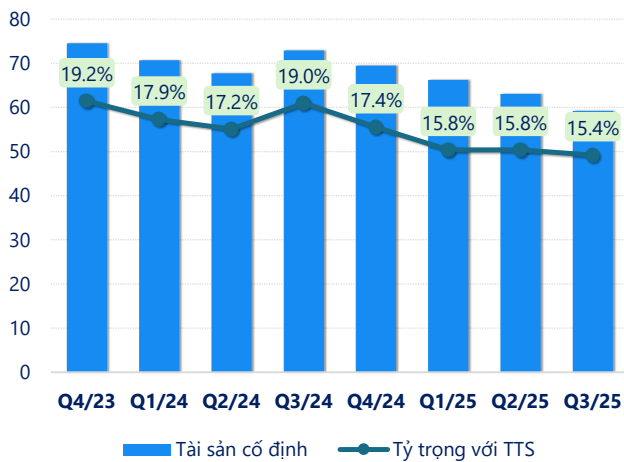
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


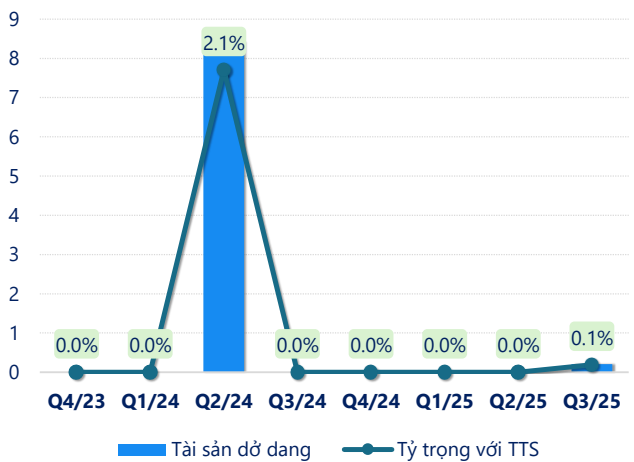
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

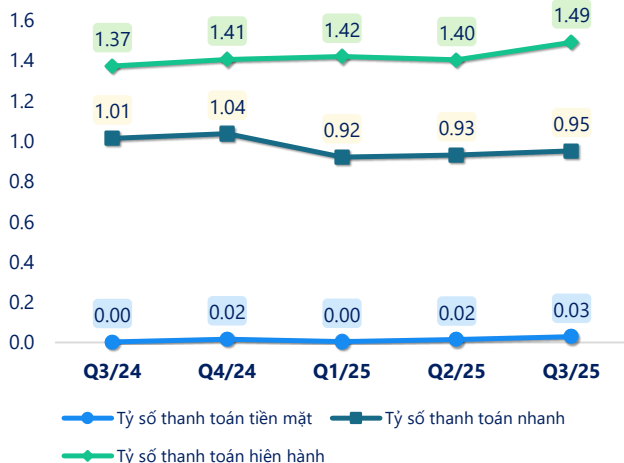
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

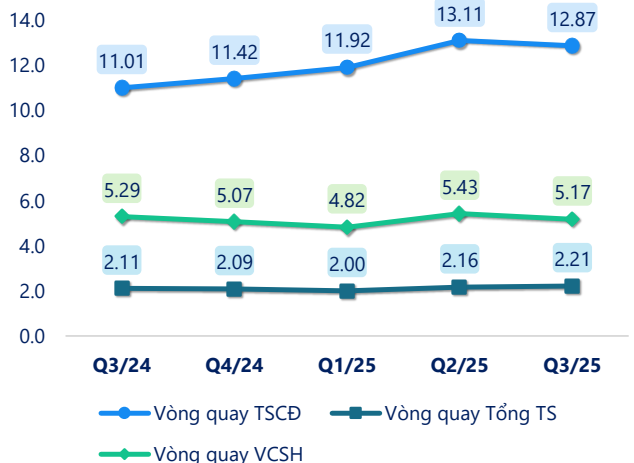
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	383	400	420	400	385
Tài sản ngắn hạn	306	327	351	334	322
Tiền và tương đương tiền	0.65	3.82	1.03	3.61	6.25
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	214	222	206	196	177
Hàng tồn kho	80.0	85.8	123	112	116
Tài sản ngắn hạn khác	11.5	15.3	20.8	21.3	22.0
Tài sản dài hạn	76.2	72.9	69.7	66.5	62.9
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	72.9	69.4	66.2	63.0	59.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.21
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.33	3.44	3.46	3.51	3.52
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	223	234	247	238	216
Nợ ngắn hạn	223	233	247	238	216
Vay và nợ thuê ngắn hạn	87.6	104	127	90.7	93.2
Phải trả người bán ngắn hạn	104	93.0	98.7	109	82.9
Nợ dài hạn	0.00	1.04	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0.00	1.04	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	160	166	173	163	169
Vốn chủ sở hữu	160	166	173	163	169
Vốn điều lệ	75.0	75.0	75.0	75.0	75.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)